TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2019/DS-PT Ngày 30-9-2019 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị T; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lường Văn T; cư trú tại: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lương Ngọc X; cư trú tại: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý Văn T; vắng mặt.

2. Chị Lý Thị V; vắng mặt.

3. Anh Lý Văn Đ; vắng mặt.

4. Anh Lý Văn V; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Lý Văn T, chị Lý Thị V, anh Lý Văn Đ, anh Lý Văn V: Bà Hoàng Thị T (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị T, ông Lý Văn T, chị Lý Thị V, anh Lý Văn Đ, anh Lý Văn V: Ông Đinh Công Tuấn – Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Ông Lương Ngọc X, sinh năm 1970, có mặt.

6. Bà Lường Thị M, sinh năm 1962, vắng mặt.

7. Bà Vi Thị A, sinh năm 1931, vắng mặt.

8. Ông Lường Văn Đ, sinh năm 1962, vắng mặt.

Ông Lường Văn Đ, bà Lường Thị M, bà Vi Thị A, ông Lương Ngọc X cùng địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Lường Văn Đ, bà Lường Thị M, bà Vi Thị A; Lường Văn T: Ông Lương Ngọc X (văn bản ủy quyền ngày 08/10/2017); có mặt.

9. Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình: Ông Trần Văn Tiến - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lộc Bình (văn bản ủy quyền số 1140/UQ-UBND ngày 19/10/2017); có mặt.

10. Ông Lý Văn H; vắng mặt.

11. Bà Hoàng Mẹ S; vắng mặt.

12. Hoàng Văn N; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

13. Ông Hoàng Văn T, Giám định viên Tư pháp thuộc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn C; có mặt.

2. Hoàng Thị T; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bà Lý Thị C; cư trú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Trần Văn T; cư trú tại: Xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Ông Lưu Xuân C; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Ông Ngô Văn T; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Nguyễn Văn N; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ông Hoàng Văn Ch; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Ông Lý Văn P; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Ông Hoàng Văn C; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ông Hoàng Văn N; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

11. Ông Lý Văn H; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

12. Ông Hoàng Văn D; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T khởi kiện anh Lường Văn T tranh chấp quyền sử dụng đất thửa đất 846, diện tích 33.030m^2 tại đồi rừng TC, Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc đất năm 1994 Hạt kiểm lâm huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và Hợp tác NP, xã N giao đất cho gia đình bà quản lý, sử dụng. Ngày 01/8/1994 Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cấp hồ sơ giao đất giao rừng (sổ bìa xanh) diện tích 1,5ha, lô số 393, tờ bản đồ số 01, bản đồ giao đất giao rừng, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; Năm 2000 thì gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSD đất) đứng tên ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T thửa đất số 393, diện tích là 15.000m^2; năm 2011 được cấp đổi GCNQSD đất từ thửa 393 chuyển thành thửa số 846, diện tích là 33.030m^{2}tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã N. Quá trình quản lý, sử dụng khi được giao trên đất có một phần diện tích là rừng tự nhiên như: cây sau sau, cây trám, cây gỗ kháo và các loại cây tạp khác. Diện tích còn lại đất trống. Năm 1997 bà Hoàng Thị T cùng gia đình trồng 3000 cây thông, năm 2000 trồng thêm khoảng 700 cây thông, đến năm 2003 không biết ai chặt phá gần hết số cây thông trồng năm 1997, còn sót lại khoảng 100 cây. Hiện nay trên đất còn khoảng 800 cây thông, gia đình đã khai thác nhựa các cây thông trồng năm 1997 từ năm 2010 đến tháng 6/2015 anh Lường Văn T đến khai thác nhựa và xảy ra tranh chấp. Bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu tiếp tục được

quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là 33.030m^2 và sở hữu toàn số bộ tài sản, cây trồng trên đất.

Bị đơn anh Lường Văn T, trình bày: Toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp trước đây là khu rừng cổ do bố mẹ của anh là ông Lường Văn Đ và bà Lường Thị M được cha ông để lại thừa kế quản lý, sử dụng và bảo vệ nên mới có các cây gỗ tạp như cây sau sau, trám, kháo như hiện nay. Năm 2000 thì bố, mẹ bắt đầu trồng thông trên diện tích đất này, số lượng cụ thể bao nhiêu cây thì anh không biết, vì anh còn ít tuổi và thoát ly đi học xa nhà. Đến tháng 5/2015 được bố mẹ giao quyền quản lý sử dụng diện tích đất trên anh Lường Văn T mới lên khu đồi để khai thác nhựa thông thì xảy ra tranh chấp. Nay bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp anh không đồng ý, anh Lường Văn T yêu cầu tiếp tục được quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích tranh chấp và sở hữu toàn bộ số cây trên đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lường Văn T, cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Ngọc X và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lường Thị M, ông Lường Văn Đ trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp hiện nay là rừng cổ nguyên sinh của gia đình đã quản lý từ đời ông cha để lại từ trước năm 1950, gia đình quản lý không cho ai lên khai thác nên rừng mới có các cây gỗ sau sau, cây trám, cây gỗ kháo như hiện nay.

Năm 2001, 2002, 2003 ông Lường Văn Đ và bà Lường Thị M trồng cây thông, hiện khu đồi có khoảng 800 cây thông và những cây gỗ tạp như trám, sau sau, kháo do mọc tự nhiên. Năm 2003 ông Lường Văn Xuân phát hiện công dân xã N, huyện L đến phát băng trồng thông trên đất nên đã viết đơn đề nghị UBND xã N, UBND Xã X, huyện L xem xét giải quyết nhưng cả hai xã không giải quyết, ông tiếp tục viết đơn yêu cầu UBND huyện Lộc Bình giải quyết. Ngày 18/9/2003 UBND huyện Lộc Bình gửi Công văn số 80/CV-ĐC ngày 18/9/2003 yêu cầu UBND xã X và UBND xã N phối hợp giải quyết nhưng chưa được giải quyết. Hiện bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp ông Lương Ngọc X, ông Lường Văn Mạnh và bà Lường Thị M không đồng ý, yêu cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng diện tích tranh chấp và sở hữu toàn bộ số cây trên đất, yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho Hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T.

Người làm chứng: Ông Lưu Xuân C (năm 1989 -1992 ông là Phó chủ tịch kiêm Trưởng công an xã; năm 1993-1994 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; năm 1995 đến năm 2000 là Bí thư Đảng ủy xã H, huyện Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn) cho rằng năm 1994 khi đi khảo sát thực địa, địa giới hành chính danh giới giữa các xã H, M, X, N thì khu đồi TC thuộc địa giới xã H, sau khi xác định ranh giới theo bản đồ 364 thì khu đồi này thuộc ranh giới xã N. Về nguồn gốc khu đồi này thuộc về 03 hộ gia đình là Ngô Văn T, ông Nguyễn Văn N, đều trú tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; ông Lương Ngọc X; Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, rừng nguyên sinh này là do cha ông để lại.

Người làm chứng: Ông Trần Văn T, Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X cho biết năm 1994 ông là Chủ tịch Ủy ban nhân xã – Trưởng ban xác định mốc giới của xã xác nhận khu đất trên là ông Lương Ngọc X quản lý; Ông Ngô Văn T; Nguyễn Văn N là những người có diện tích đất rừng liền kề đều xác nhận rằng diện tích đất đang tranh chấp trên trước đây thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông Lương Ngọc X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2016/DSST, ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, hộ bà Hoàng Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 33.030m^2 đất tranh chấp thuộc thửa đất số 846, tờ bản đồ số 01, địa danh đồi TC, Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu các cây trên khu đất này gồm: 700 cây thông; 04 cây trám đường kính gốc trên 30cm; 165 cây sau sau và cây kháo.

- Ghi nhận sự tự nguyện của hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T về việc anh Lường Văn T, bà Lường Thị M, ông Lương Ngọc X, ông Lường Văn Đ, bà Vi Thị A được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích 7859,8m^2, thửa 846, tờ bản đồ địa chính số 01 xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu các cây trên khu đất này gồm: 04 cây trám đường kính gốc trên 30cm, 164 cây sau sau và cây kháo

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 598184 đã cấp cho Hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T ngày 15 tháng 6 năm 2011 đối với thửa thửa 846, diện tích 7859,8m^2 tờ bản đồ địa chính số 01 xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2016/DS-PT ngày 24/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định: Không chấp nhận nội dung kháng cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về nội dung, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Tại Quyết định số 80/2017/DS-GĐT ngày 18/7/2017 của Tòa cấp cao tại Hà Nội quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 47/2016/DS-PT ngày 24/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2016/DSST, ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thụ lý lại vụ án đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 02/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận: Diện tích đất tranh chấp 33.030m^2 thuộc thửa đất 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, xã N, huyện L đo vẽ năm 2008; địa danh: Đồi TC, Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, được UBND huyện Lộc Bình cấp GCNQSD đất cho hộ ông Lý Văn T và bà

Hoàng Thị T, số vào sổ là BD 598184 ngày 15/6/2011 có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với thửa đất 825 *(từ điểm F đến điểm G và điểm A chiều dài cạnh là 354,1 m)* tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Phía Nam + Đông Nam giáp với thửa đất 876 *(từ điểm D đến điểm C và điểm H là ranh giới giữa thửa đất 876 với thửa đất 847 chiều dài cạnh là 309,3 m)* tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Phía Đông giáp với đất trồng lúa của ông Hoàng Văn V, ông Lý Văn AB *(từ điểm B đến điểm A chiều dài cạnh là 116,4 m)* tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Phía tây- tây nam: Giáp thửa đất số 608 do ông Lưu Văn BC quản lý, sử dụng; giáp với thửa đất số 607 do ông Vi Văn ĐE quản lý; giáp với thửa đất 497 do ông Nguyễn Văn SX quản lý; giáp với thửa đất 495 do Ủy ban nhân dân xã N quản lý *(từ điểm D-E-F chiều dài cạnh là 115,4 m)*.

Tại Kết luận giám định ngày 27/7/2018; đính chính kết luận giám định tư pháp ngày 24/10/2018 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận:

Thửa đất số 393, hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T được cấp theo sổ Lâm bạ năm 1994 có diện tích là 1,5 ha không phải là thửa đất 846 bản đồ địa chính số 01, diện tích 33.030m^2; thửa đất số 393 và 846 nói trên không phải cùng một vị trí; thửa đất 393 có các mặt tiếp giáp:

Phía Đông bắc giáp thửa đất 388;

Phía Nam giáp với thửa 396;

Phía Đông giáp với thửa đất số 389

Phía Tây giám với đường địa giới hành chính giữa xã N và xã H, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Tại kết luận giám định số 351/CNR-KTTC ngày 04/10/2018 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, Viện khoa học lâm nghiệp rừng Việt nam kết luận: Cây thông có tuổi 14-15 năm; thời điểm trồng thông năm 2003-2004 phù hợp với lời khai của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc yêu cầu quản lý và sử dụng 33030m^2 và sở hữu 828 cây thông đường kính gốc trung bình từ 15-20 cm; 03 cây trám đường kính gốc trên 30cm; 95 cây gỗ tạp (cây kháo và các loại cây khác) đường kính gốc từ 20 - 30cm trên diện tích tranh chấp tại khu đồi TC, thuộc Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 5981584; số vào sổ GCN CH00605, do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/6/2011 cho Hộ ông Lý Văn T, sinh năm 1972, số Chứng minh thư nhân dân 080936682, ngày cấp 19/6/1996 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968, số Chứng minh thư nhân dân số 080854832 cấp ngày 15/5/1986 đối với thửa đất số 846, tờ bản đồ số 01, diện tích 33030 m^2 tại khu đồi TC, Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Hộ anh Lường Văn T được quyền quản lý và sử dụng 33.030m^2 và sở hữu 828 cây thông đường kính gốc trung bình từ 15-20cm; 03 cây trám đường kính gốc trên 30cm; 95 cây gỗ tạp (cây kháo và các loại cây khác) đường kính gốc từ 20 - 30cm trên diện tích tranh chấp tại khu đồi Tồng Chi, thuộc Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/4/2019 bà Hoàng Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp 33.030m^2; địa danh: Đồi TC, thôn Hán Sài, xã N cho gia đình bà quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ các tài sản cây trồng trên đất. Anh Lường Văn T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng trong vụ án.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện được thể hiện trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn kèm mảnh trích đo địa chính số 12-2019 ngày 12/8/2019 đối với phần diện tích đất (S3 + S5 + S6) vì không liên quan đến phần diện tích đất đang tranh chấp; phần diện tích đất còn lại (S1 + S2 + S4) bà Hoàng Thị T yêu cầu được quản lý, sử dụng và sở hữu các cây trồng, cây mọc tự nhiên có trên đất.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị T nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đượng sự tại phiên tòa thấy cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ các tài liệu chứng cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định được tổng diện tích tranh chấp S= S1 + S2 + S3 + S4 + S5 = 21.933,6m^2 trong đó thửa 846 gồm S1 = 296,2m^2 hiện trạng trồng thông; S2 = 2.383,5m^2 hiện trạng là đất rừng tự nhiên; S4 = 13.489,2m^2

hiện trạng đất trồng thông; diện tích S3 = 2.424,1m^2 thuộc thửa 825 hiện trạng đất có cây thông; S5 = 3.340,6m^2 hiện trạng đất trồng thông; S6 nằm trong thửa 846 là rừng tự nhiên bà Hoàng Thị T không tranh chấp. Tuy nhiên kết quả trích đo không thực hiện đúng Thông tư 25/2014/TT-BTNVMT về các trường hợp trích đo địa chính và quy định kiểm tra, thẩm định, xác nhận mảnh trích đo địa chính. Tại phiên tòa bà Hoàng Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích S6, chỉ yêu cầu giải quyết phần diện tích đất S1, S2, S4 còn phần diện tích S3, S5 không yêu cầu giải quyết. Do đó việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T là không có cơ sở để chấp nhận. Mắt khác nguồn gốc đất tranh chấp lô 393 của bà Hoàng Thị T được giao theo số bìa xanh không cùng vị trí với thửa đất 846 hiện đang tranh chấp; cây trên đất bà Hoàng Thị T khai trồng năm 1997 và năm 2000 kết luận giám định tuổi cấy trồng năm 2003 – 2004, tại buổi xem xét thẩm định bổ sung ngày 16/01/2019 bà Hoàng Thị T mới thay đổi lời khai trồng dặmm từ 200 đến 2005. Như vậy lời khai của bà Hoàng Thị T về nguồn gốc đất tranh chấp và quá trình quản lý, sử dụng còn nhiều mâu thuẫn, chưa được làm rõ nên chưa đủ cơ sở để giải quyết kháng cáo của bà Hoàng Thị T.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết lịa theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị T nộp ngày 09/4/2019 trong thời hạn luật quy định nên là hợp lệ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dựng đất là đúng quy định của khoản 9 Điều 26 và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nguồn gốc đất tranh chấp bà Hoàng Thị T khai: Năm 1994 gia đình bà Hoàng Thị T được giao theo sổ bìa xanh thửa đất 393 diện tích 1,5 ha, năm 2000 được cấp chuyển đổi từ sổ bìa xanh thửa 393 sang GCNQSDĐ, diện tích là 15.000m^2, năm 2011 được cấp đổi GCNQSDĐ mang tên Hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T thửa đất số 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N huyện Lộc Bình diện tích là 33.030m^2. Theo ông Lương Ngọc X trình bày năm 2003 ông Lương Ngọc X đã có đơn gửi UBND xã N; UBND xã X; UBND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị giải quyết đất tranh chấp thuộc khu rừng cổ của gia đình ông quản lý nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, sau đó UBND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã 02 cấp và cấp đổi lại GCNQSDĐ cho Hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T là không đúng quy định của luật đất đai.

[4] Tại Kết luận giám định ngày 27/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận: Thửa đất 393 diện tích 1,5ha mà Hộ bà Hoàng Thị T được giao theo sổ lâm bạ năm 1994 (sổ bìa xanh) và cấp đổi GCNQSDĐ

số Q 996339 ngày 22/12/2000 không phải cùng một vị trí với thửa đất số 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn diện tích là 33.030 m^2 được ghi trong GCNQSDĐ số BD 598184 cấp ngày 15/6/2011 cho hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T.

[5] Sau khi có kết luận giám định Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chứng minh làm rõ lô 393 của gia đình bà Hoàng Thị T được giao theo sổ bìa xanh, hiện tại ai là chủ quản lý sử dụng, đối với diện tích đất rừng đang tranh chấp theo bà Hoàng Thị T khai được giao theo sổ bìa xanh nay thuộc thửa 846 chưa được cấp sơ thẩm làm rõ việc chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ và khi thực hiện đo vẽ lại bản đồ năm 2008 cấp đổi lại GCNQSDĐ, quá trình thực hiện có mời các chủ sử dụng đất đến thực địa để xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, quy chủ sử dụng đất hay không. Cấp sơ thẩm căn cứ kết luận giám định ngày 27/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T là không đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[6] Mặt khác theo lời khai của bà Hoàng Thị T khai ngoài diện tích đất tranh chấp được giao hiện nay không còn diện tích đất nào khác, năm 1997 gia đình bà trồng 3000 cây thông nhưng còn khoảng 100 cây, lý do không rõ năm 2003 bị ai chặt phá, năm 2000 gia đình bà trồng thêm 700 cây, sau đó tiếp tục trồng dặm vào các năm 2001, 2002, 2003. Theo lời khai của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn khai cây thông là do ông Lường Văn Đ, bà Lường Thị M trồng từ năm 2001, 2002, 2003, 2004, phía bị đơn yêu cầu giám định tuổi cây nhưng khi cấp sơ thẩm lấy mẫu cây giám định bà Hoàng Thị T vắng mặt không trực tiếp tham gia lấy mẫu cây và niêm phong mẫu vật giám định. Tại kết luận giám định số 351/CNR-KTTC ngày 04/10/2018 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp rừng Việt Nam kết luận: Cây thông có tuổi 14-15 năm; thời điểm trồng thông năm 2003-2004 phù hợp với yêu cầu của bị đơn. Như vậy việc tiến hành lấy mẫu vật giám định là không đảm bảo tính khách quan làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[7] Để khắc phục những thiếu sót nêu trên, ngày 12/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiến hành xem xét thẩm định lại có mời đại diện chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn của huyện, cơ quan đo đạc, đại diện các hộ gia đình có đất giáp danh với thửa đất đang trnh chấp, những người làm chứng nguyên là cán bộ lãnh đạo quản lý và những người được trực tiếp đi giao đất giao rừng cho gia đình bà Hoàng Thị T cùng tham gia thực hiện. Kết quả xác minh đã xác định được vị trí đất tranh chấp gồm 03 thửa: Thửa 846 có một phần diện tích S1 = 296,2m^2 có cây thông do mọc phát tán ở phía dưới chân đồi, S2 = 2.383,5m^2 là rừng tự nhiên, S4 = 13.489,2m^2 trên đất có thông. Tổng diện tích (S1 + S2 + S4) = 16.168,9m^2; phần còn lại S6 = 16.860,9m^2 nằm trong thửa 846 là rừng tự nhiên xác định không có tranh chấp với gia đình anh Lường Văn T đang quản lý sử dụng; một phần diện tích S3 = 2.424,1m^2 nằm trong thửa 825;

một phần diện tích S5 = 3.340,6m^2 nằm trong thửa 876 do ông Lương Văn Xuân quản lý, sử dụng.

[8] Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2019 Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành lấy 02 mẫu cây để trưng cầu giám định tuổi cây. Tuy nhiên sau khi xem xét thấy lời khai của cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều khai thời gian trồng cầy là năm 1997 và năm 2000 sau đó trồng dặm vào các năm 2001, 2002, 2003, 2004. Do vậy, việc tiến hành giám định tuổi cây khi có kết luận giám định sẽ không xác định được cây thông là của ai trồng. Tòa án đã triệu tập cả hai bên đương sự nguyên đơn và bị đơn đến phân tích, giải thích để các đương sự hiểu rõ hậu quả của việc giám định và được hai bên chấp nhận không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tuổi cây.

[9] Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2019 tai Trụ sở UBND xã N, huyện L ông Lý Văn Hùng - Chủ tịch UBND xã N cung cấp thông tin cho Tòa án biết khi có chủ trương đo đạc lại bản đồ địa chính, UBND xã N đã thông báo cho các hộ dân có đất rừng có mặt tại rừng của mình để chỉ ranh giới, mốc giới; khi tiến hành đo đạc thành phần đoàn gồm có đại diện chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn và cán bộ đo dạc cùng tham gia thực hiện việc đo đạc. Lý do có sự khác nhau giữa lô 393 và thửa 846 là do lô 393 đo đạc theo bản đồ 364 còn lô 846 là do cơ quan đo đạc ghi nhầm còn thực chất diện tích đất đang tranh chấp hiện nay giữa thửa 846 với lô 393 là một vị trí, được UBND xã N giao cho bà Hoàng Thị T quản lý, sử dụng.

[10] Tại Biên bản xác minh ngày 06/8/2019 tại Trụ sở UBND xã X ông Hoàng Văn Hiệp - Phó Chủ tịch UBND xã X cho biết thửa đất 393 của hộ gia đình bà Hoàng Thị T được cấp số bìa xanh năm 1993 và được cấp sổ bìa đỏ thửa 846 năm 2011 vẫn là diện tích đất đang tranh chấp hiện nay.

[11] Từ những phân tích trên, xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T là có căn cứ để chấp nhận. Theo yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T ban đầu kháng cáo yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất 33.030m^2, thuộc thửa 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N và sở hữu các tài sản cây trồng trên đất. Sau khi có kết quả xác minh: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị T đã tự nguyện rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với phần diện tích đất S6 = 16.860,9m^2, thuộc thửa 846, tờ bản đổ số 01, bản đồ địa chính xã N. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị T là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Hoàng Thị T; phần diện tích đất còn lại năm trong thửa 846 bà Hoàng Thị T yêu cầu được quản lý, sử dụng và sở hữu các cây trồng, cây mọc tự nhiên trên đất là phần diện tích S1 = 296,2m^2 có cây thông do mọc phát tán ở phía dưới chân đồi, S2 = 2.383,5m^2 là rừng tự nhiên, S4 = 13.489,2m^2 hiện trạng đang có thông. Hội đồng xét xử xét thấy phần diện tích đất S4 = 13.489,2m^2 hiện trên đất trồng cây thông và một số cây mọc tự nhiên bà Hoàng Thị T yêu cầu được quản lý, sử dụng và sở hữu các cây trồng và cây mọc tự nhiên trên đất là có căn cứ để chấp nhận. Đối với diện tich đất S1 trên đất có cây thông và các cây gỗ tạp khác do mọc phát tán ở phía

dưới chân đồi và diện tích đất S2 là cây rừng mọc tự nhiên trên đất không có cây thông. Do vậy bà Hoàng Thị T yêu cầu được quản lý, sử dụng là không có căn cứ để chấp nhận.

[12] Đối với Kết luận giám định ngày 27/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận: Thửa đất 393 diện tích 1,5ha hộ bà Hoàng Thị T được giao theo sổ lâm bạ năm 1994 (sổ bìa xanh) và cấp đổi GCNQSDĐ số Q 996339 ngày 22/12/2000 không phải cùng một vị trí với thửa đất số 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn diện tích là 33.030 m^2 được ghi trong GCNQSDĐ số BD 598184 cấp ngày 15/6/2011 cho hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Văn T – Giám định viên Tư pháp sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm kết luận giám định ngày 27/7/2018. Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo kết luận giám định lô 393 diện tích 1,5ha ghi trong số bìa xanh của hộ bà Hoàng Thị T không phải cùng một vị trí với thửa đất số 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N, huyện L ghi trong GCNQSDĐ của bà Hoàng Thị T nhưng căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; lời khai của các đương sự, những người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định được diện tích đất đang chấp hiện nay chính là diện tích đất bà Hoàng Thị T được giao ghi trong sổ bìa xanh năm 1994. Đối với kết luận của cơ quan chuyên môn lô 393 không phải cùng một vị trí với thửa đất số 846 Hội đồng xét xử xác định đây là lỗi của cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện việc đo đạc bản đồ và giao quyền quản lý sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất, trong đó có hộ gia đình bà Hoàng Thị T, đối với các chủ sử dụng đất và hộ gia đình bà Hoàng Thị T được cơ quan nhà nước giao đất cho quản lý, sử dụng không thể biết được và không có lỗi.

[14] Đối với phần diện tích đất S3 = 2.424,1m^2 nằm trong thửa 825 và phần diện tích đất S5 = 3.340,6m^2 nằm trong thửa 876, tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và không thuộc phạm vi kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[14] Về tài sản trên đất: Ngày 12/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn và bị đơn thống nhất không xác minh lại các tài sản là cây mọc tự nhiên và cây trồng có trên đất tranh chấp, đối với đất tranh chấp ai là người được quản lý sử dụng, người đó sẽ được sở hữu các tài sản là cây mọc tự nhiên và cây trông trên đất. Hội đồng xét xử xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, là quyền tự định đoạt của các đương sự, việc thỏa thận không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[15] Từ những phân tích, nhận định trên thấy có căn cứ để sửa Bản án dân sự sơ thẩm sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình. Việc sửa bản án sơ thẩm là do lỗi của các cơ quan chuyên môn trong quá trình đo đạc, quản lý đất rừng và cấp GCNQSDĐ không xem xét kỹ dẫn đến sai phạm và một phần lỗi của cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập làm rõ, đầy đủ chứng cứ.

[16] Về yêu cầu đòi bồi thường 10.000.000,đ tiền khai thác nhựa thông. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết ở cấp sơ thẩm bà Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết, sau khi xét xử sơ thẩm bà Hoàng Thị T kháng cáo, đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị T không thể hiện có yêu cầu bồi thường tiền khai thác nhựa thông. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm mới phát sinh yêu cầu đòi bồi thường tiền khai thác nhựa thông. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị T đã xin rút yêu cầu đòi bồi thường tiền khai thác nhựa thông. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu đòi bồi thường tiền khai thác nhựa thông của bà Hoàng Thị T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ.

[17] Về yêu cầu phản bác của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 33.030m^2, thuộc thửa 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã N. Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại phiên tòa phía bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ, chứng minh diện tích đất đang tranh chấp diện thuộc quyền quản lý sử dụng của bị đơn nên không có cơ sở để chấp nhận.

[18] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại phiên tòa Đại diện bị đơn yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà Hoàng Thị T đối với diện tích đất 33.030m^2, thuộc thửa 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N, Đại diện UBND huyện Lộc Bình trình bày việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T là do chuyển từ sổ bìa xanh sang số bìa đỏ năm 2000 và cấp đổi lại GCNQSDĐ năm 2011 là do khi đo đạc lại bản đồ năm 2008 các chủ sử dụng đất tự đến lô đất rừng được giao quản lý để chỉ ranh giới, mốc giới sau đó được UBND huyện cấp GCNQSDĐ, theo biên bản xem xét thẩm định xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2019 bà Hoàng Thị T có mặt trực tiếp tham ra chỉ ranh giới, mốc giới khi được giao đất, xác định đất tranh chấp thuộc một phần thửa 846, do vậy việc UBND huyện Lộc Bình cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị T toàn bộ diện tích đất thửa 846 là không đúng đề nghị Hội đồng xét xử hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà Hoàng Thị T. Hội đồng xét, xét thấy việc cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị T là không đúng quy định của pháp luật, nên có căn cứ hủy GCNQSDĐ số BD 598184 ngày 15/6/2011 được UBND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cấp cho Hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T.

[19] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2016 là 4.000.000,đ. Do các đương sự phải chịu mỗi người 2.000.000,đ; xác nhận các đương sự ông Lường Văn T và bà Hoàng Thị T đã nộp đủ số tiền.

[20] Chi phí hợp đồng đo đạc thửa đất tranh chấp ngày 16/02/2018 là 10.000.000,đ; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/2/2018 là 5.000.000 đồng; Chi phí giám định tuổi 6.000.000 đồng, theo giấy biên nhận ngày 14/9/2018; chi phí xem xét thẩm định bổ sung 3.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 21/3/2018. Tổng cộng là 24.000.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T được Tòa án chấp nhân một phần nên bà Hoàng Thị T và ông Lường Văn T mỗi người phải chịu ½ số tiền chi phí. Xác nhận anh Lường Văn

T đã nộp đủ số tiền 24.000.000 đồng, do đó bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ phải trả lại cho cho anh Lường Văn T số tiền 12.000.000 đồng.

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T được Tòa án chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của mình không được Tòa án chấp nhận và bị đơn anh Lường Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà Hoàng Thị T và anh Lường Văn T, ông Lương Ngọc X đều có đơn xin miễn nộp tiền án phí và có văn bản xác nhận của chính quyền địa phương bà Hoàng Thị T và anh Lường Văn T, ông Lương Ngọc X là công dân hiện đang sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, vùng có đặc điểm kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo hướng dẫn tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bà Hoàng Thị T và anh Lường Văn T, ông Lương Ngọc X thuộc trường hợp được miễn tòa bộ án phí. Do vậy, hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền đã nộp 2.791.000,đ (hai triệu bẩy trăm chín mươi mốt nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0002219 ngày 28/12/2016; hoàn trả lại cho anh Lường Văn T số tiền 3.200.000,đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng đồng), đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002244 ngày 20/3/2017 và biên lai thu tiền số AA/2011/02711 ngày 13/7/2016; hoàn trả lại ông Lương Ngọc X số tiền 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0002220 ngày 28/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[22] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Hoàng Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Hoàng Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền 300.000,đ theo biên lai thu tiền số AA/2012/05579 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[23] Ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn những nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận; những nội dung không phù hợp, không được chấp nhận

[24] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm với Hội đồng xét xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ các Điều 10, 50, 75, 105, 136 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1, khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; căn cứ các Điều 26, 100, 135, 166, 179,

203 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ 164, 167, 169, 305, 688 Bộ Luật dân sự năm 2005; căn cứ Điều 158, 163, 164, 166, 169, 170, 175, 357, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 34, 38 Điều 147, 148, 157, 158, 161, 162, 165, 166, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quyền sử dụng đất: Bà Hoàng Thị T được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất S4 = 13.489,2m^2, theo mảnh trích đo địa chính số 12-2019 ký hiệu POLKHFED, nằm trong thửa 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N huyện Lộc Bình và quyền sở hữu các tài sản, cây trồng, cây tự nhiên mọc trên đất; địa danh: Đồi TC, Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Anh Lường Văn T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại ký hiệu ABCDPQ = (S1 + S2) = 2.679,7m^2 và phần diện tích đất S6 = 16.860,9m^2, theo mảnh trích đo địa chính số 12-2019 ký hiệu ABCDEFQ nằm trong thửa 846, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và quyền sở hữu các tài sản, cây trồng, cây tự nhiên mọc trên đất (S1 + S2 + S6).

3. Hủy một phần diện tích đất (S1 + S2) = 2.679,7m^2 và phần diện tích đất S6 = 16.860,9m^2, nằm trong thửa 846, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính xã N ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 5981584; số vào sổ GCN CH00605, do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cấp cho Hộ ông Lý Văn T và bà Hoàng Thị T, ngày 15/6/2011.

(Có mảnh trích đo địa chính số 12-2019 ngày 12/8/2019 kèm theo).

4. Buộc phía bị đơn anh Lường Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn anh Lường Văn T phải chấm dứt việc tranh chấp với hộ gia đình bà Hoàng Thị T; cả hai bên nguyên đơn bà Hoàng Thị T và bị đơn anh Lường Văn T đều phải có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Đối với phần diện tích đất S3 = 2.424,1m^2, theo mảnh trích đo địa chính số 12-2019 thuộc thửa 825, theo mảnh trích đo địa chính số 12-2019 ký hiệu LONM; phần diện tích S5 = 3.340,6m^2, thuộc thửa 876 ký hiệu GHF, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính xã N không thuộc phạm vi kháng cáo của bà Hoàng Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

6. Về chi phí định xem xét thẩm định, định giá tài sản:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 12/4/2016: tổng chi là 4.000.000,đ; bà Hoàng Thị T và anh Lường Văn T phải chịu mỗi người 2.000.000,đ. Xác nhận bà Hoàng Thị T và anh Lường Văn T đã nộp đủ số tiền.

- Chi phí hợp đồng đo đạc thửa đất tranh chấp ngày 16/02/2018 số tiền 10.000.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại và định giá tài sản chỗ ngày

16/2/2018 số tiền 5.000.000 đồng; chi phí giám định tuổi cây theo giấy biên nhận ngày 14/9/2018 số tiền 6.000.000 đồng ; chi phí xem xét thẩm định bổ sung theo giấy biên nhận ngày 21/3/2018 số tiền 3.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chi phí: 24.000.000 đồng (hai bốn triệu đồng); bà Hoàng Thị T và anh Lường Văn T mỗi người phải chịu 1/2. Xác nhận anh Lường Văn T đã ứng trước số tiền chi trả 24.000.000 đồng (hai bốn triệu đồng); buộc bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lường Văn T số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bị đơn anh Lường Văn T có đơn yêu cầu được thi hành án nếu bà Hoàng Thị T chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy đinh tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị T, anh Lường Văn T, ông Lương Ngọc X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền đã nộp 2.791.000 đồng (hai triệu bẩy trăm chín mươi mốt nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0002219 ngày 28/12/2016; hoàn trả lại cho anh Lường Văn T số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng đồng), đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002244 ngày 20/3/2017 và biên lai thu tiền số AA/2011/02711 ngày 13/7/2016; hoàn trả lại ông Lương Ngọc X số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0002220 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại bà Hoàng Thị T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/05579 ngày 22/4/2019 tại Chi cục, thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Trong trường hợp bản án, quyết định đã được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyết định yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh LS;
- Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh LS;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm